

Số: 253/SNN-TL

Bắc Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2019

V/v xin ý kiến tham gia vào Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020.

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Tư pháp, Tài chính, Nội vụ, KH & ĐT, Lao động TB và Xã hội;
- Phòng Kế hoạch - Tài Chính Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL tỉnh.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 46/TB-UBND ngày 26/02/2019 về việc thông báo kết luận phiên họp UBND tỉnh tháng 02 năm 2019. Theo đó, UBND tỉnh thảo luận và cơ bản nhất trí thông qua dự thảo đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020 và giao Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện các trình tự thủ tục ban hành văn bản theo quy định.

Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, theo quy định của Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018; Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020.

Đề Tờ trình và Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi có tính khả thi và phù hợp với các quy định của pháp luật. Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL trên địa bàn tỉnh tham gia ý kiến để hoàn thiện Dự thảo Tờ trình và Nghị quyết.

Kèm theo Dự thảo Tờ trình, Nghị quyết và công văn của Sở Tài chính số 1745/STC-QLGCS ngày 05/10/2018 về việc thẩm định phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; số 1792/STC-QLGCS ngày 11/10/2018 về việc đính chính số liệu trong thẩm định phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Ý kiến tham gia bằng văn bản và gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT *trước ngày 10/3/2019* qua Chi cục Thủy lợi để tổng hợp và hoàn thiện trình UBND tỉnh phê duyệt, địa chỉ: Đường Lê Lợi, Phường Đình Ké, TP Bắc Giang; Email: chicucthuyloi@bacgiang.gov.vn.

Sở Nông nghiệp và PTNT rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan./.

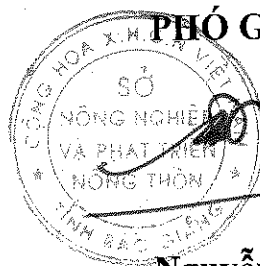
(Kèm theo hồ sơ phương án giá của các công ty TNHH một thành viên KTCTTL)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu VT.

Bản điện tử:

- GD Sở (b/c);
- PGD Nguyễn Văn Dĩnh;
- Phòng KH-TC Sở;
- Chi cục Thủy lợi.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Dĩnh

Số: /Tr-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018 - 2020

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Thực hiện Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020; UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018 - 2020, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020, quy định trách nhiệm của UBND tỉnh quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý sau khi được HĐND tỉnh thông qua theo quy định nhưng không vượt quá mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ Tài chính quy định tại Điều 1 Quyết định số 1050a/QĐ-BTC.

Như vậy, việc xây dựng Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018 - 2020 làm cơ sở để đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch quản lý khai thác công trình thủy lợi là cần thiết và phù hợp với các quy định hiện hành.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết

1. Mục đích:

Nghị quyết được xây dựng nhằm Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi áp dụng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020 là cơ sở để đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết:

- Tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 35 của Luật Thủy lợi; Khoản 1, Điều 4 của Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ; Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020.

- Đảm bảo các nguyên tắc, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản Quy phạm pháp luật theo quy định.

III. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức hợp tác dùng nước có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hợp pháp có liên quan quản lý khai thác công trình thủy lợi (sau đây gọi tắt là đơn vị thủy nông), cơ quan, tổ chức có liên quan đến quản lý khai thác công trình thủy lợi.

IV. Nội dung chính của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 3 Điều:

Điều 1: Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 2: Giá cụ thể sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Điều 1 Nghị quyết này là giá không có thuế giá trị gia tăng. Đơn vị thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi có trách nhiệm niêm yết công khai theo quy định của pháp luật về giá đối với giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Điều 3: Tổ chức thực hiện.

V. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành văn bản sau khi được thông qua

Từ nguồn ngân sách Trung ương trong thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017 - 2020. Dự kiến tổng kinh phí 540 tỷ đồng, trong đó: Năm 2018 là 180 tỷ đồng, năm 2019 là 180 tỷ đồng và năm 2020 là 180 tỷ đồng.

VI. Thời gian dự kiến trình thông qua Nghị quyết

Thời gian dự kiến trình UBND tỉnh tại kỳ họp tháng 4 năm 2019.

Thời gian dự kiến trình HĐND tỉnh tại kỳ họp tháng 7 năm 2019.

UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, KT_{TM}.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, TCKT, TPKT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hà

Số: /2019/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018 - 2020, cụ thể như sau:

a) Đối với đất trồng lúa được tính theo Biểu sau:

TT	Vùng và biện pháp công trình	Giá (1.000 đồng/ha/vụ)
I	Miền núi	
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.811
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
II	Trung du	
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.433
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.003
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.218

Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

b) Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức giá bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

c) Đối với cấp nước nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá theo các biện pháp công trình	
			Bơm	Hồ đập, kênh cống
1	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoát/năm	250	
2	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

d) Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị được tính theo Biểu sau:

TT	Vùng và biện pháp công trình	Giá (đồng/ha/vụ)
I	Miền núi	
1	Tiêu bằng động lực	63.385
2	Tiêu bằng trọng lực	44.345
3	Tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	53.865
II	Trung du	
1	Tiêu bằng động lực	50.155
2	Tiêu bằng trọng lực	35.105
3	Tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	42.630

d) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi như trên áp dụng đối với từng biện pháp tưới tiêu và được tính ở vị trí công đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi

Điều 2. Giá cụ thể sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Điều 1 Nghị quyết này là giá không có thuế giá trị gia tăng. Đơn vị thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi có trách nhiệm niêm yết công khai theo quy định của pháp luật về giá đối với giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang của Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá VXIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngàytháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, NN&PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo, VP UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải